TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai.

- Bà Đặng Thị Mỹ Hường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng C, sinh năm 1996. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số A hẻm S, Tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang .

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh P, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Địa chỉ: số H, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn bà Phạm Hồng C có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau:* bà và ông P thông qua quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2014, vợ chồng không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông P có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà cũng tha thứ và hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2023 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông P.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 28/10/2015, hiện nay đang sống chung với bà C. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện nay bà phụ bán quán ăn mỗi tháng thu nhập 7.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Trần Minh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông P đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng C, không công nhận bà C và ông P là vợ chồng; về con chung: có 01 con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 28/10/2015. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu N nên đề nghị giao cháu cho bà C nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Phạm Hồng C yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh P. Ông P có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Hồng C có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/3/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Minh P. Tại đơn khởi kiện bà C đã ghi đúng địa chỉ của ông P theo sổ hộ khẩu đăng ký tại khóm H, phường M, thành phố L và qua kết quả xác minh xác định được ông P có nơi cư trú cuối cùng tại số H, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, bà C xác định không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà C và ông P xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được, bà C và ông P không còn chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay. Do bà C và ông P không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận bà Phạm Hồng C và ông Trần Minh P là vợ chồng.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 28/10/2015. Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay thì bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Trong thời gian cháu N sống với mẹ đã ổn định về điều kiện sinh hoạt, môi trường học tập, tâm tư, tình cảm của cháu N gắn liền với mẹ. Mặt khác, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 30/01/2024 cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà C trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng C.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Hồng C và ông Trần Minh P là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Phạm Hồng C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 28/10/2015.

Bà Phạm Hồng C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Minh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Trần Minh P không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hồng C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0001409 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà C đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên